

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1134/2022/DS-ST
Ngày: 25/7/2022
Vụ Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Thông
- Bà Trần Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2022, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, về: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2616/2022/QĐXXST-DS ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 52/8B H, phường Đ, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 52/8B H, phường Đ, Quận N, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 11/6 Đường M, Khu phố H, phường B, Quận T, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 29/12/2021 tại Văn phòng Công chứng B, số 004304, Quyền số 02), (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H (Lim H), sinh năm 1966

Địa chỉ tại Việt Nam: Số 257/56 P, ấp C, thị trấn T, huyện CT, tỉnh AG. Địa chỉ tại Campuchia: No 104 Street X. Sangkat Phsa Thmay Khan Daun Penh Phnompenh, Campuchia.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ Th, sinh năm 1987; Thường trú: TK 19/15 C, phường K, Quận N, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 7, Đường M, Khu nhà ở NP, phường Đ, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 12/6/2015 tại Phòng Công chứng X, Thành phố H, Số 12681, Quyền số 06), (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 52/8B H, phường Đ, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 52/8B H, phường Đ, Quận N, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: 11/6 Đường M, Khu phố H, phường T, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 29/12/2021 tại Văn phòng Công chứng B, số 004304, Quyền số 02), (có mặt).

2/ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 52/8B H, phường Đ, Quận N, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 11/6 Đường M, Khu phố H, phường B, Quận T, Thành phố H, (có mặt).

3/ Ông Liễu Ngọc Tr, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 380/16 N, Phường T, Quận T, Thành phố H, (có đơn xin vắng mặt).

4/ Văn phòng Thừa phát lại T (tên cũ: Văn phòng Thừa phát lại quận B)

Địa chỉ: Số 19R C, Phường C, quận TH, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh H – Trưởng Văn phòng, (có đơn xin vắng mặt).

5/ Công ty TNHH A Co., Ltd

Trụ sở: No 104 Street X. Sangkat Phsa Thmay Khan Daun Penh Phnompenh, Campuchia. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị, (có mặt).

6/ Công ty TNHH Thương mại ĐQ;

Trụ sở: Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Giám đốc, (có mặt).

7/ Công ty TNHH Q.

Trụ sở: Số 16, Lô 1 Trung tâm thương mại B, thị trấn K, huyện K, tỉnh KG. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, (có mặt).

8/ Công ty TNHH Địa ốc Đ.

Trụ sở: Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Kim Y – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961; Địa chỉ liên lạc: 11/6 Đường M, Khu phố H, phường B, Quận T, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 30/6/2022), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y (ủy quyền cho ông Trần Văn Q đại diện trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc Y khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị H (Lim H) tranh chấp Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 507, Tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố H. Theo nguyên đơn, bà H là người mua nhà, đất nói trên của bà Lê

Thị Ngọc Y, bà Ngọc Y cho bà H thanh toán chậm trong vòng 02 tháng nhưng bà H không trả mà vẫn giữ bản chính giấy tờ nhà đất. Bà Ngọc Y có nhờ ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bà H trả tiền hoặc hủy bỏ các hợp đồng đã lập, nhưng bà H không thực hiện. Vì vậy, bà Ngọc Y đã khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà và thửa đất nói trên.

Khi Tòa án đang giải quyết vụ án, thì bà H cùng ông Liễu Ngọc Tr đến căn nhà Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H lấy đi toàn bộ đồ đạc, tư trang của gia đình bà Ngọc Y cùng giấy tờ pháp lý của hai công ty do ông Q và bà Kim Y là người đại diện theo pháp luật đang hoạt động tại căn nhà này. Những tài sản của bà Ngọc Y bị bà H chiếm đoạt bao gồm: 30.000.000 đồng tiền mặt; Vàng, kim loại quý, đá quý trị giá 309.000.000 đồng; Tài sản khác có giá trị 90.500.000 đồng, tổng cộng là 429.500.000 đồng cùng một số giấy tờ bản chính.

Ngày 05/11/2012, bà Lê Thị Ngọc Y có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại số tiền 429.500.000 đồng và trả lại các giấy tờ cá nhân gồm: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở BT và nhiều giấy tờ khác.

Tại biên bản làm việc các ngày 24/3/2022, 25/3/2022, 08/4/2022, 19/5/2022 và tại phiên hòa giải ngày 01/7/2022, nguyên đơn (có ông Trần Văn Q đại diện) trình bày:

Ông Quốc không biết cơ quan, tổ chức nào có thể giám định để xác định xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, vv... Ông cũng không có hóa đơn, chứng từ về việc mua các loại tài sản tại hai “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 để giao nộp cho Tòa án. Các loại tài sản này khi bà Nguyễn Thị H trả, nguyên đơn và vợ chồng ông đã đến căn nhà bà H thuê tại Quận 12, Thành phố H để nhận; sau đó chở về căn nhà ông thuê tại Long An cất giữ. Hiện nay, nguyên đơn và vợ chồng ông không còn giữ bất kỳ tài sản nào, các tài sản đã hư hỏng hết, chỉ giữ lại các giấy tờ sau đây nhưng các giấy tờ này không hư hại gì nên không yêu cầu bồi thường, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở BT và nhiều giấy tờ khác (mục số 9, trang 01 của “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022).

Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của ông và bà Lê Thị Kim Y. Tuy nhiên các loại tài sản này ông mua để sử dụng nên không còn giữ hóa đơn, chứng từ về việc mua tài sản, cũng không liệt kê được các thông tin về tài sản như: Xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, tỷ lệ chất lượng còn lại, ...theo yêu cầu của Tòa án.

Ngoài đĩa DVD ghi nhận hình ảnh khi giao nhận tài sản giữa bà H và ông Q, bà Kim Y thì nguyên đơn không còn tài liệu, hình ảnh hoặc băng đĩa nào ghi nhận về tài sản. Nguyên đơn không có gì chứng minh về giá trị tài sản trước khi di dời và giá trị tài sản tại thời điểm nhận lại, do các loại tài sản này nguyên đơn mua về sử dụng trong gia đình, nên không lưu giữ hóa đơn, chứng từ hoặc giấy bảo hành. Việc này chỉ có thể cảm nhận bằng mắt hoặc khi sử dụng các loại tài sản này. Ngoài 70 loại tài sản đã nhận và 29 loại tài sản đã mất theo Bảng khai kê giao nhận tài sản” đề ngày 24/3/2022, thì không còn tài sản nào bị mất.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) ủy quyền cho ông Nguyễn Sỹ Th đại diện trình bày:

Theo thông báo thụ lý của Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H bồi thường giá trị tài sản với số tiền: 429.500.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là: 2.120.850.000 đồng. Bị đơn có ý kiến như sau:

Bà Nguyễn Thị H mua căn nhà tọa lạc tại địa chỉ Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H từ bà Lê Thị Ngọc Y là hoàn toàn hợp pháp. Các bên đã giao nhận đủ tiền và hoàn thiện về mặt pháp lý giấy tờ. Đến thời hạn bàn giao nhà theo thỏa thuận, phía bà Lê Thị Ngọc Y (nguyên đơn) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y không thực hiện việc bàn giao nhà. Bà H đã nhiều lần đến gặp cũng như gửi thông báo yêu cầu bà Ngọc Y, ông Q và bà Kim Y bàn giao nhà, nhưng họ không chịu bàn giao.

Ngày 16/4/2011, bà H đã đến thu dọn đồ đạc của gia đình ông Q, bà Kim Y ra khỏi nhà; đồng thời bà H đã thuê một căn nhà ở gần đó (tại địa chỉ: 174/32 Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận G, Thành phố H) để đựng đồ đạc của gia đình ông Q, bà Kim Y. Quá trình thu dọn đồ đạc này của bà H, có sự chứng kiến và ghi nhận của Bảo vệ khu phố và Phó Tổ trưởng Tổ dân phố tại địa phương.

Đến ngày 20/4/2013, bà Nguyễn Thị H đã trả lại tài sản nêu trên cho gia đình ông Q, bà Kim Y. Việc giao trả có sự ghi nhận bằng Vi bằng của Văn phòng Thừa phát lại quận B, Thành phố H. Trong Vi bằng, có liệt kê danh mục 100 loại tài sản cùng 01 kết sắt khóa kín có chứa các con dấu của công ty do ông Q và bà Kim Y là đại diện theo pháp luật.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị H lấy lại căn nhà Số 125, Đường B, Phường N, quận G, Thành phố H không phải là hành vi trái pháp luật như nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Bà Lê Thị Ngọc Y, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng ngoài lời khai và danh sách liệt kê danh mục tài sản thì không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ hoặc văn bản nào của cơ quan chức năng để chứng minh số tài sản mà các đương sự đã liệt kê và yêu cầu bồi thường là có thật (bao gồm tiền, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý...). Hầu hết tài sản được gửi giữ đã được bà Ngọc Y, ông Q và bà Kim Y nhận lại có sự chứng kiến của Văn phòng Thừa phát lại. Đương sự có yêu cầu đòi bồi thường, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh mức độ thiệt hại của từng loại tài sản, nên bà Nguyễn Thị H không chấp nhận tất cả các yêu cầu của bà Ngọc Y, ông Q và bà Kim Y.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y (bà Kim Y ủy quyền cho ông Q đại diện) trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn và thừa nhận có nhận số tiền 220.000 USD (hai trăm hai mươi nghìn đô la Mỹ) từ bà Nguyễn Thị H, nhưng đây là tiền bà H góp vốn vào Công ty Angkor có trụ sở tại Campuchia. Bà H thu hồi vốn dưới hình thức được ưu tiên nhận lãi. Tính đến nay, bà H đã nhận lại đủ số tiền 220.000 USD. Ông khẳng định, số tiền vợ chồng ông nhận từ bà H

không liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng nhà và đất giữa bà H với bà Lê Thị Ngọc Y.

Ngày 16/4/2011, bà Nguyễn Thị H tổ chức một nhóm người tiến vào căn nhà số 125 Đường số 4, Phường 5, quận G, Thành phố H chiếm đoạt tài sản, giấy tờ của ông bà, cụ thể: Tiền mặt 870.000.000 đồng, 10.000 USD (mười nghìn đô la Mỹ), 10.000 AUD (mười nghìn đô la Australia), tổng cộng 1.100.000.000 đồng; Vàng, kim loại, đá quý tổng trị giá là 518.000.000 đồng; Tài sản khác có giá trị ước tính là 502.850.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 2.120.850.000 đồng.

- Ngày 05/11/2012, ông và bà Lê Thị Kim Y nộp đơn yêu cầu độc lập: Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại số tiền 2.120.850.000 đồng và trả các loại giấy tờ gồm: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Cà Mau, 01 hộ chiếu tên Lê Văn Năm, 01 hộ chiếu tên Trần Hồng Y, 01 hộ chiếu tên Trần Thái Q; Một sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Văn Q, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Lê Thị Kim Y; 01 sổ tạm trú không thời hạn chủ hộ Lê Thị Thanh Nh; Các hồ sơ cá nhân của Trần Thị Hồng Y, Trần Thái Q, Trần Văn Q, Lê Thị Kim Y, Trần Khánh V và nhiều loại giấy tờ khác của cá nhân các thành viên trong gia đình.

- Tại đơn yêu cầu bồi thường ngày 26/7/2016, ông và bà Lê Thị Ngọc Y yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị H phải bồi thường tổng cộng 03 loại tài sản mà ông bà chưa nhận được, trị giá 1.834.500.000 đồng, gồm: Tiền mặt (tiền Việt Nam đồng và đô la Mỹ, đô la Úc): 1.100.000.000 đồng; Vàng, kim loại, đá quý: 518.000.000 đồng; Tài sản khác: 216.500.000 đồng.

Ông có cùng ý kiến như ông đã trình bày trong phần đại diện cho nguyên đơn. Ông không biết cơ quan, tổ chức nào có thể giám định để xác định xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, vv... Ông cũng không có hóa đơn, chứng từ về việc mua các loại tài sản tại “Bảng kê khai giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 để giao nộp cho Tòa án. Các loại tài sản này khi bà Nguyễn Thị H trả, vợ chồng ông đã đến căn nhà bà H thuê tại Quận 12, Thành phố H để nhận, sau đó chở về căn nhà ông thuê tại Long An cất giữ. Hiện nay, vợ chồng ông không còn giữ bất kỳ tài sản nào, các tài sản đã hư hỏng hết, chỉ giữ lại các giấy tờ sau đây nhưng các giấy tờ này không hư hại gì nên không yêu cầu bồi thường, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Cà Mau, các hộ chiếu tên Lê Văn Năm, Trần Hồng Y, Trần Thái Q; Sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Văn Q, sổ hộ khẩu chủ hộ Lê Thị Kim Y; Sổ tạm trú của Lê Thị Thanh Nh và các hồ sơ cá nhân (từ mục 97 đến mục 104 (trang 5) của “Bảng kê khai giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 của ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y).

Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến yêu cầu độc lập của ông và bà Lê Thị Kim Y. Tuy nhiên các loại tài sản này ông mua để sử dụng nên không còn giữ hóa đơn, chứng từ về việc mua tài sản, cũng không liệt kê được các thông tin về tài sản như: Xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, tỷ lệ chất lượng còn lại, ...như yêu cầu của Tòa án. Ngoài đĩa DVD ghi nhận hình ảnh khi giao nhận tài sản, thì ông và bà Kim Y không còn tài liệu, hình ảnh hoặc băng đĩa nào ghi nhận về tài sản.

3.2. Công ty A S.C.Co; Ltd, Công ty TNHH TM ĐQ, Công ty TNHH Q do ông Trần Văn Q là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông là người đại diện của các công ty này. Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu độc lập, nhưng các công ty này không có yêu cầu độc lập trong vụ án và hiện nay cũng đã ngừng hoạt động.

3.3. Công ty TNHH Địa ốc Đ (có ông Trần Văn Q đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu độc lập, nhưng công ty này không có yêu cầu độc lập trong vụ án và hiện nay đã ngừng hoạt động.

3.4. Ông Liễu Ngọc Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Theo ông được biết, căn nhà số 125 đường số 4, phường 5, quận G, Thành phố H của vợ chồng ông Q và bà Kim Y, nhờ em gái của bà Kim Y là bà Ngọc Y đứng tên giữ. Năm 2010, sau khi mua nhà này và Thửa đất 507, Tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố H từ ông Q và bà Kim Y (do bà Ngọc Y đứng tên), bà Nguyễn Thị H đã lập Hợp đồng ủy quyền số 043806 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố H để ông toàn quyền định đoạt đối với các tài sản này. Thực chất của hợp đồng ủy quyền này là bà H đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản nêu trên cho ông. Sau khi hoàn tất việc mua bán, ông đã chuyển nhượng lại Thửa đất số 507 cho ông Nguyễn Xuân Quang. Đối với căn nhà 125, do mua để ở nên ông đã sửa chữa, xây dựng lại nhưng sau đó đã bán cho bà Trần Ngọc Th. Khi bà Thanh thực hiện thủ tục sang tên, thì có tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận.

Quá trình mua bán, giao nhận căn nhà 125, ông có cùng bà H đến nhà này và yêu cầu vợ chồng ông Q, bà Kim Y, bà Ngọc Y giao nhà. Tuy nhiên, ông Q đòi bà H phải trả thêm một khoản tiền là 400.000.000 đồng và lo cho ông Q chỗ ở mới thì mới giao nhà. Không đồng ý với yêu cầu của ông Q, ông cùng bà H cho dọn đồ đạc trong căn nhà 125 ra ngoài và thuê một căn nhà gần đó để gửi đồ. Đến ngày 15/4/2013, thì giao trả lại tài sản cho vợ chồng ông Q, bà Kim Y, có lập Vi bằng ghi nhận. Ông không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2022, ông Liễu Ngọc Tr trình bày: Ông giữ nguyên lời khai của ông có tại hồ sơ vụ án, ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết vụ án.

3.5/ Văn phòng Thừa phát lại M (tên cũ: Văn phòng Thừa phát lại quận B), có ông Lê Mạnh H là người đại diện theo pháp luật trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ hợp đồng số 92/2013/HĐDV-VPTPLBT ngày 10/4/2013, phiếu yêu cầu lập vi bằng ngày 10/4/2013 giữa Văn phòng Thừa phát lại quận B với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị Kim Y. Ngày 15/4/2013, Văn phòng Thừa phát lại quận B cùng ông Đạt, bà Lạc, bà Kim Y và Luật sư Dương Thị T có mặt tại địa chỉ: 333/22 Khu phố T, phường H, Quận T, Thành phố H để chứng kiến người đại diện cho bà Nguyễn Thị H bàn giao tài sản cho ông Q và bà Kim Y. Danh sách tài sản mà ông Q và bà Kim Y đã nhận được liệt kê thành danh sách gồm 100 mục được mô tả cụ thể về số lượng và tình trạng tài sản. Việc giao trả tài sản được Văn phòng Thừa phát lại quận B chứng kiến và lập thành Vi bằng số 101/2013/VB-

VPTPLBT ngày 15/4/2013, đã đăng ký tại Phòng Hỗ trợ tư pháp theo biên nhận đăng ký số 0259.4.2013/VB. Văn phòng Thừa phát lại quận B khẳng định căn cứ vào hợp đồng nêu trên, Văn phòng Thừa phát lại quận B chỉ chứng kiến việc giao nhận tài sản giữa các bên, không trực tiếp thực hiện hay liên quan gì đến việc vận chuyển, lưu giữ tài sản các bên bàn giao cho nhau. Văn phòng Thừa phát lại quận B có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1/ Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y (có ông Trần Văn Q đại diện) trình bày: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2012, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 429.500.000 đồng. Nay nguyên đơn xác định, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị 10 loại tài sản chưa nhận được theo “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022, với số tiền là 375.000.000 đồng. Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác. Đối với giá vàng, nguyên đơn yêu cầu xác định theo giá vàng tại thời điểm ngày 05/11/2012, không yêu cầu trả theo giá vàng tại thời điểm hiện nay. Nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, mà chỉ có “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 và đĩa DVD giao nhận tài sản vào năm 2013 của cơ quan Thừa phát lại quận B, Thành phố H.

2/ Bị đơn bà Nguyễn Thị H (có ông Nguyễn Sỹ Th đại diện) trình bày: Các tài sản mà nguyên đơn và ông Q, bà Kim Y cho rằng bị mất và yêu cầu bồi thường là không có căn cứ, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các tài sản này là có thật. Bà Nguyễn Thị H đã thông báo cho nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y về việc lấy nhà nhưng họ cố tình không trả nhà, chiếm giữ nhà của bị đơn trái pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị H di dời tài sản ra khỏi căn nhà số 125 đã được bà H thông báo cho chính quyền địa phương, ông Q và bà Kim Y. Bà H có lập biên bản ghi nhận các tài sản di dời, có sự chứng kiến của Bảo vệ khu phố và đại diện Tổ dân phố. Bị đơn đã thuê nhà để bảo quản tài sản của nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y và khi giao trả lại tài sản vào năm 2013, nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y đồng ý nhận, không có ý kiến gì và theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự thì nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y cũng có một phần lỗi. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y. Bị đơn không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (bà Y ủy quyền cho ông Q đại diện) trình bày: Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/11/2012, ông và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 2.120.850.000 đồng. Tại đơn yêu cầu bồi thường ngày 26/7/2016, ông và bà Kim Y yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 1.834.500.000 đồng. Nay ông và bà Kim Y xác định, ông bà yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 70 loại tài sản mà ông bà chưa nhận được theo “Bảng khai kê giao nhận tài sản” mà ông đã lập và nộp cho Tòa án ngày 24/3/2022, trị giá các tài sản này được tính lại là 1.873.700.000 đồng. Ông, bà không còn yêu cầu nào khác. Đối với giá ngoại tệ (đô la Mỹ, đô la Úc), giá vàng, giá kim loại quý, đá quý, vv...

trong danh sách các tài sản mà ông bà chưa nhận và yêu cầu bồi thường, ông bà yêu cầu xác định theo giá trị tại thời điểm ngày 05/11/2012, không yêu cầu trả theo giá tại thời điểm hiện nay. Ông bà không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, mà chỉ có “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 và đĩa DVD giao nhận tài sản vào năm 2013 của cơ quan Thừa phát lại quận B. Đối với 100 loại tài sản đã nhận theo “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022, ông cho rằng sau khi nhận lại chỉ sử dụng được 50%, nhưng ông không yêu cầu giải quyết.

3.2/ Công ty TNHH A Co., Ltd, Công ty TNHH Thương mại ĐQ và Công ty TNHH Q (có ông Trần Văn Q đại diện theo pháp luật) trình bày: Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu độc lập, nhưng các công ty này không có yêu cầu độc lập trong vụ án và hiện nay đã ngừng hoạt động.

3.4/ Công ty TNHH Địa ốc Đ (có ông Trần Văn Q đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ông đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu độc lập, nhưng công ty này không có yêu cầu độc lập trong vụ án và hiện đã ngừng hoạt động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên trung cấp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi phù hợp quy định của pháp luật. Xét, ngày 20/4/2011, bà Nguyễn Thị H có hành vi di dời tài sản của nguyên đơn và ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y ra khỏi căn nhà 125 Đường số 4, Phường N, quận G, Thành phố H mà không có sự chứng kiến của họ là không đúng. Tuy nhiên, ngày 15/4/2013 bà Nguyễn Thị H đã giao trả các tài sản cho nguyên đơn và ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y. Nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y không có ý kiến gì khi nhận lại tài sản. Mặt khác, ngoài “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 và đĩa DVD ghi nhận việc giao trả tài sản vào năm 2013 của cơ quan Thừa phát lại quận B, thì nguyên đơn và ông Q, bà Kim Y không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu của mình đối với các tài sản họ yêu cầu bồi thường thiệt hại; Không cung cấp được các thông tin, tài liệu về các tài sản mà họ cho rằng chưa nhận lại được. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về việc thẩm định giá trị các tài sản theo yêu cầu của ông Trần Văn Q, nhưng các cơ quan chuyên môn đều trả lời là không thể thẩm định giá tài sản dựa trên “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/3/2022 và đĩa DVD. Do nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y không cung cấp được các chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Y và yêu cầu độc lập của ông Q và bà Kim Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của người đại diện các đương sự và phát biểu

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y cùng có yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường thiệt hại do tài sản bị hư hỏng, nên quan hệ pháp luật là: Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH A Co., Ltd có trụ sở tại Campuchia, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 và điểm c Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia tố tụng của đương sự và người đại diện của đương sự.

Bà Lê Thị Ngọc Y (nguyên đơn) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Lê Thị Kim Y, Công ty TNHH Địa ốc Đ) cùng ủy quyền cho ông Trần Văn Q đại diện; bị đơn Nguyễn Thị H (Lim H) ủy quyền cho ông Nguyễn Sỹ Th đại diện, các văn bản ủy quyền hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Liễu Ngọc Tr và Văn phòng Thừa phát lại M (tên cũ: Văn phòng Thừa phát lại quận B) có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Sự kiện bà Nguyễn Thị H (Lim H) di chuyển tài sản ra khỏi căn nhà số 125 Đường số 4, Phường 5, quận G, Thành phố H diễn ra vào ngày 20/4/2011 và hoàn trả ngày 15/4/2013, thời điểm này Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực. Vì vậy, pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Nhà đất số 125 Đường số 4, Phường 5, quận G, Thành phố H (sau đây gọi tắt là nhà 125) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 11582/2003 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 15/9/2003, cập nhật thay đổi ngày 22/11/2007 và Thửa đất số 507, Tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố H (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 507) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 443766 (số vào sổ: HO 2976/7013925) do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H cấp ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi mục đích sử dụng ngày 29/4/2008, trước đây thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Lê Thị Ngọc Y (nguyên đơn).

Ngày 24/10/2009, tại Phòng Công chứng H, Thành phố H, bà Lê Thị Ngọc Y ký Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở (số 041839, Quyền số 10) và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 041838, Quyền số 10, để bán căn nhà số 125 và chuyển nhượng Thửa đất số 507 cho bà Nguyễn Thị H (bị đơn). Hai bên chưa giao nhận tài sản mua bán/chuyển nhượng theo hợp đồng.

[2.2] Ngày 14/10/2010 và 29/11/2010, bà Lê Thị Ngọc Y nộp đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) yêu cầu hủy các hợp đồng nói trên, buộc bị đơn phải trả lại cho bà bản chính giấy tờ nhà, đất. Khi vụ án đang được Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H thụ lý giải quyết, thì bà Nguyễn Thị H (Lim H) thu dọn toàn bộ tài sản trong căn nhà số 125 mà ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y đang sử dụng đến lưu giữ tại căn nhà bà Nguyễn Thị H thuê.

[2.3] Ngày 09/8/2012, Nguyễn Thị H nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận số tiền 220.000 USD (hiện nay tương đương 4.576.600.000 đồng) là tiền bà H thanh toán mua nhà số 125.

[2.4] Ngày 05/11/2012, bà Lê Thị Ngọc Y nộp đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường thiệt hại số tiền 429.500.000 đồng và trả lại các giấy tờ cá nhân gồm: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở BT và nhiều giấy tờ khác. Tòa án nhân dân quận G đã thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu bổ sung số: 641/2012/TB-TLYCBS ngày 24/12/2012.

[2.5] Ngày 05/11/2012, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y nộp đơn yêu cầu độc lập: Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường thiệt hại số tiền 2.120.850.000 đồng và trả các loại giấy tờ gồm: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Cà Mau, 01 hộ chiếu tên Lê Văn Năm, 01 hộ chiếu tên Trần Hồng Y, 01 hộ chiếu tên Trần Thái Q; 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Văn Q, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Lê Thị Kim Y; 01 sổ tạm trú không thời hạn chủ hộ Lê Thị Thanh Nh; Các hồ sơ cá nhân của Trần Thị Hồng Y, Trần Thái Q, Trần Văn Q, Lê Thị Kim Y, Trần Khánh V và nhiều loại giấy tờ khác của cá nhân các thành viên trong gia đình. Tòa án nhân dân quận G đã thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập số: 641/2012/TB-TLYCĐL ngày 21/12/2012.

[2.6] Vụ án có Công ty TNHH A Co., Ltd (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có trụ sở tại Campuchia, nên Tòa án nhân dân quận G chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án nhân dân Thành phố H theo Quyết định chuyển vụ án số 480/2013/QĐST-DS ngày 28/8/2013.

[2.7] Tại Bản án sơ thẩm số 357/2017/DS-ST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Bà Lê Thị Ngọc Y (nguyên đơn), ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2.8] Tại Bản án phúc thẩm số 485/2020/DS-PT ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H đã quyết định:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Hủy bỏ Hợp đồng mua bán căn nhà số 125; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Thửa 507 và yêu cầu bị đơn trả bản chính giấy tờ nhà, đất này;

Hủy một phần bản án sơ thẩm về: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y yêu cầu bồi thường giá trị tài sản mà bà Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt là 429.500.000 đồng; Yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim Y đòi bồi thường thiệt hại về tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, số tiền là

2.120.850.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.9] Quá trình thụ lý lại vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y (có ông Trần Văn Q đại diện) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Kim Y vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) có ông Nguyễn Sỹ Th đại diện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới.

[3] Về yêu cầu của các đương sự.

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2012, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) phải bồi thường giá trị tài sản đã bị bà H làm thiệt hại là 429.500.000 đồng, 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở BT và nhiều giấy tờ khác.

Theo “Đơn yêu cầu bồi thường” ngày 26/7/2016, nguyên đơn (có ông Trần Văn Q đại diện) yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị 10 loại tài sản tại mục “Số tài sản tôi chưa nhận được như sau” (không ghi giá trị từng tài sản).

Tại “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/03/2022 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn (có ông Trần Văn Q đại diện) xác định lại yêu cầu khởi kiện là: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H bồi thường 10 loại tài sản chưa nhận được tại “Bảng khai kê giao nhận tài sản” do nguyên đơn nộp ngày 24/03/2022, giá trị các loại tài sản này được tính theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2012 là: 375.000.000 đồng; Trong đó các loại tài sản bằng vàng, nguyên đơn yêu cầu tính theo giá thời điểm ngày 05/11/2012, không yêu cầu tính theo thời điểm hiện nay, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác. Xét, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[3.2] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (bà Y ủy quyền cho ông Q đại diện).

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/11/2012, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) phải bồi thường giá trị tài sản đã bị bà H làm thiệt hại tổng cộng là: 2.120.850.000 đồng và trả các loại giấy tờ khác.

Theo “Đơn yêu cầu bồi thường” ngày 26/7/2016, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị của 70 loại tài sản tại mục “Số tài sản chúng tôi chưa nhận được như sau” với tổng trị giá là: 1.834.500.000 đồng.

Tại “Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/03/2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (ông Quốc đại diện cho bà Kim Y) xác định lại yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường giá trị 70 loại tài sản tại mục “Số tài sản chúng tôi chưa nhận được như sau” (ghi tại trang 5 đến trang 8 của

“Bảng khai kê giao nhận tài sản” ngày 24/03/2022) với tổng giá trị được tính lại là 1.873.700.000 đồng. Trong đó, các loại tài sản bằng ngoại tệ (đô la Mỹ, đô la Úc), vàng, kim loại quý, đá quý, vv... ông yêu cầu tính theo giá thời điểm tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/11/2012, không yêu cầu tính theo giá tại thời điểm hiện nay, nên ghi nhận. Ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y không còn yêu cầu nào khác. Xét, việc thay đổi yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị Ngọc Y) và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời khai của đương sự, “Biên bản thu dọn đồ đạc” ngày 20/4/2011 và “Hợp đồng thuê nhà” ngày 20/4/2011 giữa bà Bùi Thị S (bên cho thuê) và bà Nguyễn Thị H (bên thuê), thì vào ngày 20/4/2011 bà Nguyễn Thị H đã dọn đồ đạc, tài sản trong căn nhà số 125 đến tại căn nhà bà H thuê. Việc chuyển đồ đạc, tài sản này có lập “Biên bản thu dọn đồ đạc” ngày 20/4/2011 với sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ (Bảo vệ khu phố) và bà Vũ Thị Th (Tổ phó Tổ dân phố), trong đó ghi các loại tài sản chuyển đi và số lượng các tài sản. Tuy nhiên, tại thời điểm này, nguyên đơn (bà Lê Thị Ngọc Y), ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y không chứng kiến việc di chuyển tài sản, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Cơ quan Thừa phát lại lập Vi bằng, không có cơ quan chuyên môn xác định chủng loại, xuất xứ hàng hóa, giá trị chất lượng còn lại của các tài sản, vv... bị bà H chuyển đi. Các đương sự không yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Văn Đ (Bảo vệ khu phố) và bà Vũ Thị Th (Tổ phó Tổ dân phố) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người làm chứng, nên ghi nhận.

Theo Vi bằng số 101/2013/VB-TPLBT ngày 15/4/2013 và Thông báo số 19/TB-VPTPLQBT ngày 22/4/2013 của Văn phòng Thừa phát lại quận B (nay là Văn phòng Thừa phát lại M), thì vào ngày 15/4/2013 bà Nguyễn Thị H (có bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ đại diện) giao trả cho bà Lê Thị Kim Y, ông Trần Văn Q các tài sản gồm:

- Các loại tài sản theo danh mục đính kèm (100 loại), 01 xe máy hiệu Future mang biển số: 53R3-9627 đã cũ (được ghi nhận theo video lập vi bằng) và 02 két sắt bị khóa (bà Kim Y và ông Q đã thuê thợ khóa đến mở khóa). Sau khi thợ khóa mở két sắt, tài sản bên trong gồm có: 01 laptop hiệu Sone Vaio, 01 con dấu Công ty TNHH Q, 01 con dấu Công ty TNHH Địa ốc Đ, 01 con dấu Công ty TNHH Thương mại ĐQ và 01 con dấu Công ty Ancovat.

- Một số tài sản mà ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y cho rằng không sử dụng được nữa và đồng ý bỏ lại là: salon, bàn, tủ, ghế, giường và các tài sản khác. Toàn bộ quá trình bàn giao tài sản đã được ghi hình, chụp ảnh và lưu vào đĩa đính kèm vi bằng này.

Xét, mặc dù Hợp đồng mua bán nhà đất số 125 giữa bà Lê Thị Ngọc Y và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp, bà Ngọc Y đã vi phạm nghĩa vụ giao nhà, nhưng sự việc bà H tự ý chuyển đồ đạc, tài sản ra khỏi căn nhà nói trên là hành vi trái pháp

luật. Hành vi của bà H được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Theo Vi bằng số 101/2013/VB-TPLBT ngày 15/4/2013 và lời khai của nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y, thì các tài sản khi giao trả thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn và ông Q, bà Kim Y. Nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y đã tố cáo bà Nguyễn Thị H tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố H nhưng cơ quan này đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 100 ngày 12/9/2011, với lý do: Việc bà Nguyễn Thị H chuyển đồ đạc, vật dụng của gia đình ông Trần Văn Q ra khỏi căn nhà số 125 đường số 20, phường N, quận G để lấy lại căn nhà này, do bà H đứng tên quyền sở hữu, không có mục đích chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Q và cũng không có căn cứ xác định bà H đuổi ông Q ra khỏi chỗ ở. Hành vi của bà Nguyễn Thị H không cấu thành tội cướp tài sản, xâm phạm chỗ ở của công dân (bút lục số 136).

Nguyên đơn và ông Q, bà Kim Y cho rằng, ngoài các tài sản đã nhận theo Vi bằng số 101/2013/VB-TPLBT ngày 15/4/2013, thì ông bà chưa nhận được các tài sản khác. Theo bà Ngọc Y có 10 loại tài sản bà chưa nhận được trị giá 375.000.000 đồng; ông Q và bà Kim Y cho rằng chưa nhận được 70 loại tài sản trị giá 1.873.700.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài đơn yêu cầu, “Bảng khai kê giao nhận tài sản” lập ngày 24/03/2022, Vi bằng số 101/2013/VB-TPLBT ngày 15/4/2013 kèm đĩa DVD của cơ quan Thừa phát lại quận B ghi lại hình ảnh khi bị đơn giao trả tài sản ngày 15/4/2013, thì nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu của mình đối với các tài sản mà ông bà cho rằng chưa nhận được; Không cung cấp được các thông tin về tài sản như: Xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, tỷ lệ chất lượng còn lại khi bị di dời, vv...

Theo yêu cầu của ông Q, Tòa án đã có văn bản hỏi công ty có chức năng thẩm định giá để xác minh xem cơ quan chức năng có thể thẩm định được giá trị tài sản mà nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y yêu cầu dựa vào “Bảng khai kê giao nhận tài sản” đề ngày 24/03/2022 và đĩa DVD đính kèm hay không (công văn số 2357/TATP-TDS ngày 11/5/2022). Tại Công văn số 01/06-2022/TBTD-TNV ngày 13/6/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá T trả lời: Do không có hóa đơn, chứng từ nên không có cơ sở pháp lý và thông tin về tài sản để xác định các yếu tố liên quan đến tài sản như xuất xứ, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, mua mới hay cũ, tỷ lệ chất lượng còn lại khi mới đưa vào sử dụng và khi bị chuyển đi, hiện trạng thực tế, vv... Vì vậy, theo tiêu chuẩn thẩm định giá hiện hành, công ty không xác định được giá trị các tài sản có ghi trong hai “Bảng khai kê giao nhận tài sản” do ông Trần Văn Q lập cùng ngày 24/03/2022. Để thẩm định được giá trị các tài sản này, thì cần có hóa đơn, chứng từ mua tài sản hoặc các văn bản, tài liệu xác định các thông tin sau đây của tài sản: Xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, mua mới hay cũ, tỷ lệ chất lượng còn lại khi mới đưa vào sử dụng và khi bị chuyển đi, hiện trạng thực tế, vv...

Tòa án cũng đã có văn bản gửi Sở Tài chính M (số 2658/TATP-TDS ngày 11/5/2022) đề nghị cơ quan này cho biết, rằng có thể định giá tài sản theo hai “Bảng khai kê giao nhận tài sản” do ông Trần Văn Q lập cùng ngày 24/03/2022 và đĩa DVD đính kèm hay không, nếu không thì cần thông tin gì để định giá. Tại

Công văn số 3688/STC-QLG ngày 10/6/2022 của Sở Tài chính M xác định cơ quan này không có cơ sở để phúc đáp yêu cầu của Tòa án tại công văn nói trên.

Tòa án nhiều lần lập biên bản làm việc với ông Trần Văn Q, đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Trần Văn Q xác định: Nguyên đơn, ông và bà Kim Y không cung cấp được chứng cứ mới; Không cung cấp được các thông tin về tài sản như xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua vào, tỷ lệ chất lượng còn lại khi bị chuyển đi, vv...và cơ quan, tổ chức nào có thể giám định để xác định các thông tin này của tài sản; Không có hóa đơn, chứng từ về việc mua các loại tài sản và hiện nay các tài sản này cũng không còn.

Xét, nguyên đơn, ông Q và bà Kim Y yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H bồi thường giá trị các tài sản mà ông bà cho rằng chưa nhận lại được, nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu của mình đối với các tài sản được liệt kê; Không cung cấp được các thông tin về tài sản như xuất xứ hàng hóa, năm sản xuất, thời hạn sử dụng, giá trị tài sản khi mua, tỷ lệ chất lượng còn lại khi bị di dời, vv..., không chứng minh được yêu cầu đòi bồi thường của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q và bà Kim Y như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các yêu cầu bồi thường thiệt hại của đương sự phát sinh vào thời điểm Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội có hiệu lực, nên án phí được tính theo Pháp lệnh này và Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y phải nộp tính trên số tiền không được chấp nhận (375.000.000 đồng), án phí được tính: $375.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.750.000 \text{ đồng}$; được trừ vào tiền tạm ứng án phí 10.590.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/05349 ngày 21/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà Trần Thị Ngọc Y còn phải nộp 8.160.000 (tám triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

[4.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H (Lim H) số tiền tạm ứng án phí 56.288.300 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02553 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

[4.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y phải nộp tính trên số tiền không được chấp nhận (1.873.700.000 đồng), án phí được tính: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 1.073.700.000 \text{ đồng}) = 68.211.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, ông Trần Văn Q (sinh năm 1961), là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 2 Luật Người cao tuổi, số tiền ông Q được miễn nộp là $68.211.000 \text{ đồng} : 2 = 34.105.500 \text{ đồng}$ ($\frac{1}{2}$ tiền án phí mà ông Q và bà Kim Y phải nộp). Vì vậy, bà Lê Thị Kim Y phải nộp số

tiền còn lại là 34.105.500 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (bà Kim Y nộp thay) số tiền tạm ứng án phí là 37.208.500 đồng theo Biên lai số AA/2011/05350 ngày 21/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 5, Khoản 2 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 104, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc Hội;

Áp dụng Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Áp dụng Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y (có ông Trần Văn Q đại diện), về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường giá trị tài sản với số tiền là 54.500.000 (năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng (429.500.000 đồng – 375.000.000 đồng); trả 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở BT và nhiều giấy tờ khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Văn Q, bà Lê Thị Ngọc Y (bà Kim Y ủy quyền cho ông Q đại diện), về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường giá trị tài sản với số tiền là 247.150.000 (hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng (2.120.850.000 đồng – 1.873.700.000 đồng) và trả các giấy tờ gồm: 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Cà Mau, 01 (một) hộ chiếu tên Lê Văn Năm, 01 (một) hộ chiếu tên Trần Hồng Y, 01 hộ chiếu tên Trần Thái Q; Một sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Văn Q, 01 (một) sổ hộ khẩu chủ hộ Lê Thị Kim Y; 01 (một) sổ tạm trú không thời hạn chủ hộ Lê Thị Thanh Nh; Các hồ sơ cá nhân của Trần Thị Hồng Y, Trần Thái Q, Trần Văn Q, Lê Thị Kim Y, Trần Khánh V và nhiều loại giấy tờ khác của cá nhân các thành viên trong gia đình.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y (có ông Trần Văn Q đại diện), về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H)

bồi thường giá trị các tài sản chưa nhận được với số tiền là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q, bà Lê Thị Ngọc Y (bà Kim Y ủy quyền cho ông Trần Văn Q đại diện), về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) bồi thường giá trị các tài sản chưa nhận được với số tiền là 1.873.700.000 (một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y phải nộp 18.750.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 10.590.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/05349 ngày 21/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà Trần Thị Ngọc Y còn phải nộp 8.160.000 (tám triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

5.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H (Lim H) số tiền tạm ứng án phí 56.288.300 (năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02553 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

5.3. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn Q (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) do ông Q là người cao tuổi;

Bà Lê Thị Kim Y (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.105.500 (ba mươi bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Văn Q và bà Lê Thị Kim Y (bà Kim Y nộp thay) số tiền tạm ứng án phí là 37.208.500 (ba mươi bảy triệu hai trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai số AA/2011/05350 ngày 21/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y, bị đơn bà Nguyễn Thị H (Lim H) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị Kim Y, ông Trần Văn Q, Công ty TNHH A Co., Ltd, Công ty TNHH Thương mại ĐQ, Công ty TNHH Q và Công ty TNHH Địa ốc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Liễu Ngọc Tr và Văn phòng Thừa phát lại M (tên cũ: Văn phòng Thừa phát lại quận B) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008

(sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPH;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TPH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh